

Scan by máy GHLK2

I.1. Tài nguyên.

* Độ sức trẻ + ~~Độ~~ ^{trẻ} ~~trẻ~~ tính chất.

- Định nghĩa: AST là những độ vế trong \mathcal{Q} gian sao cho tiếp tuyến tại mỗi điểm có phương trùng với phương cực γ^2 tại điểm đó

- Trồng chuối.

→ Qua mỗi điểm trong \mathcal{O} gian chỉ vẽ
đc một đường sức từ.

+ Các dãy số từ là n độ cong khớp
khí và vô hạn ở 2 đầu.

+ Chiều của các dòng sông từ Bắc đến Nam nhưng quy tắc xác định (qt nằm tay phải, qt \rightarrow Nam \leftarrow Bắc)

+ Nghe quy vào về AST sao cho chỗ
nào T^2 mạnh thì AST dày và T^2 yếu thì AST thưa.

* Δ^2 của ΔST của dòng điện thẳng cái dài.

- xà n' đej trờn nờn trờn n' mặt phay
I với dõng ches vì có tên nờn trờn dõng ches.

- Có chiến lược xử lý gđ năm bên tay

pha?

Để bàn tay phải sao cho ngón cái nắm dọc theo dây dẫn và chỉ chiều dòng, khi đó các ngón khum lại cho ta chiều các \vec{B} .

I.2. Cảm ứng từ, lực từ.

→ D^2 lực từ tại bất đoạn dây dẫn có dòng điện trong T^2 đều.

Lực từ \vec{F} :

- D^2 tại bất đoạn dây dẫn
- phương: \perp với (\vec{B}, \vec{l})
- chiều: tuân theo qt bàn tay trái
- Độ lớn: $F = B \cdot I \cdot l \cdot \sin \alpha$ ($\alpha = (\vec{B}, \vec{l})$)

I.3. T^2 của dòng chạy trong dây dẫn có hình dạng đặc biệt.

* Các công thức tính B :

- Dây thẳng dài vô hạn:

$$B = 2 \cdot 10^{-7} \cdot \frac{I}{r}$$

(r : khoảng cách từ dây tới điểm ta xét)

- Tâm của khung dây tròn:

$$B = 2\pi \cdot 10^{-7} \cdot \frac{I \cdot N}{R} \quad (N \text{ nếu với } N \text{ là số vòng})$$

(R bán kính ~~đường~~ ^{khung} dây)

- Trọng lòng ống dây:

$$B = 4\pi \cdot 10^{-7} \cdot \frac{I \cdot N}{l} = 4\pi \cdot 10^{-7} \cdot nI$$

$$\left(\frac{N}{l} = n : \text{mật độ vòng dây (vòng/m)}\right)$$

I. 4. Lực Lorentz

* **Khái niệm**: Mọi hạt điện tích chuyển động trong từ trường, đều chịu tác dụng của lực từ. Lực từ này gọi là lực Lorentz

- Lực từ tác dụng lên một điện tích chuyển động trong từ trường được gọi là lực Lorentz

* **Công thức**: $F_L = |q_0| \cdot B \cdot v \cdot \sin \alpha$
 $(\alpha = (\vec{v}, \vec{B}))$

$|q_0|$: độ lớn điện tích (C)

B : độ lớn cảm ứng từ của \vec{B}

v : độ lớn vận tốc của điện tích (m/s)

α : góc hợp bởi \vec{v} và \vec{B} .

II. 1. Từ thông, Cảm ứng điện từ

* **Công thức**: $\Phi = B \cdot S \cdot \cos \alpha$ (Wb)

\vec{B} : ^{vector} độ lớn cảm ứng từ của \vec{B} từ.

\vec{n} : vectơ pháp tuyến của S . S : diện tích S của vòng dây trong \vec{B} . (m^2)

Φ : Từ thông (Wb) α : góc hợp bởi \vec{n} và \vec{B} .

* **Định luật Lenz**: Dòng điện cảm ứng sinh ra trong mạch kín có chiều sao cho từ trường cảm ứng

ũng có tác dụng chống lại sự biến thiên của từ thông ban đầu qua mạch kín.

* Cách làm biến đổi từ thông:

1. Thay đổi vị trí tương đối giữa mạch kín

(c) là người sinh ra T^2

2. Thay đổi dt giới hạn bởi vòng dây

3. Cho vòng dây quay quanh trục trong T^2

4. Nếu nguồn gây ra T^2 là dđ thì i cực

dđ biến thiên \rightarrow B biến thiên \rightarrow Φ biến thiên

II 2. Sự cảm ứng điện động cảm ứng

* Khái niệm: SĐĐCU' là SĐĐ sinh ra dòng điện cảm ứng trong mạch kín.

* Định luật Faraday: Độ lớn của SĐĐ cảm ứng xuất hiện trong mạch kín tỉ lệ với tốc độ biến thiên từ thông qua mạch kín đó.

$$|E_c| = \left| \frac{\Delta \Phi}{\Delta t} \right|$$

$$E_c = - \frac{\Delta \Phi}{\Delta t} \rightarrow$$

(19) $\alpha_1 = 30^\circ$